

# ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ GIA ĐÌNH TỚI KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA HỌC SINH KHU VỰC NÔNG THÔN VIỆT NAM<sup>(\*)</sup>

**TS. TRẦN THỊ THÁI HÀ**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Khu vực nông thôn Việt Nam vẫn chiếm tỉ trọng lớn về dân số, lực lượng lao động, và đang có sự dịch chuyển lớn về kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Nông thôn cũng là nơi còn lưu giữ nhiều nét đặc trưng về văn hóa, giá trị và các chuẩn mực của xã hội nông thôn truyền thống. Những nét văn hóa truyền thống hiện còn lưu giữ được cho là vẫn ảnh hưởng đến sự phát triển của giáo dục nói chung và kết quả học tập nói riêng ở khu vực này. Bài viết này dựa trên cơ sở giả thuyết cho rằng gia đình và truyền thống văn hóa mà đặc trưng là truyền thống hiếu học gia đình, những nhân tố này có tầm quan trọng và ảnh hưởng lớn đến giáo dục ở khu vực nông thôn. Trên cơ sở khảo sát thực tế tại một số tỉnh (Vĩnh Phúc, Thái Bình, Cần Thơ) bằng phương pháp kết hợp giữa nghiên cứu định lượng (khảo sát bằng bảng hỏi soạn sẵn đối với 1174 học sinh, 219 giáo viên, 26 cán bộ quản lí nhà trường) và nghiên cứu định tính (phỏng vấn và tọa đàm với cán bộ quản lí, giáo viên, cán bộ cộng đồng, cha mẹ học sinh) đã cho thấy mối quan hệ giữa nhóm nhân tố này với thực tế giáo dục ở khu vực nông thôn.

Từ các phân tích, đánh giá từ thực tiễn, kết hợp với các kết quả nghiên cứu trước đó, bài viết đã đề xuất các giải pháp nhằm phát huy, tăng cường những tác động tích cực của nhân tố gia đình và truyền thống hiếu học trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ở khu vực nông thôn, giúp cho hệ thống giáo dục thích ứng tốt hơn với quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội ở khu vực này.

## 2. Vai trò của gia đình đối với kết quả giáo dục khu vực nông thôn

Khi xem xét mối quan hệ giữa nhân tố gia đình và giáo dục hay nói cách khác với việc học tập của con cái, bài viết này phân tích ảnh hưởng các điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình, sự quan tâm của cha mẹ, định hướng giáo dục của cha mẹ,...), mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường và các yếu tố thuộc về truyền thống học tập của cộng đồng, xã hội đến việc học tập của học sinh nói riêng và giáo dục nông thôn nói chung.

### 2.1. Điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoàn cảnh gia đình

là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh (thể hiện ở học kì gần đây nhất). Đối với nhóm học sinh đang ở cùng bố mẹ, có đến 14,3% học sinh có kết quả xếp loại xuất sắc, 13,9% xếp loại giỏi. Tỉ lệ này ở nhóm học sinh đang phải ở thuê hoặc ở trọ thấp hơn rất nhiều (chỉ có 12,5% cả học sinh xuất sắc và giỏi). Ngược lại, 21,7% học sinh đang ở cùng bố mẹ có xếp loại học tập trung bình nhưng ở nhóm học sinh ở trọ, tỉ lệ này là 37,5%.

Xem xét kết quả học tập của học sinh trong mối quan hệ với điều kiện kinh tế của gia đình cho thấy, tỉ lệ học sinh có kết quả học tập tốt hơn ở những gia đình có điều kiện kinh tế tốt hơn. Bảng 1 dưới đây cho thấy tỉ lệ học sinh xuất sắc phân bố ở nhóm gia đình giàu có và khá giả cao hơn nhiều so với tỉ lệ này ở nhóm gia đình nghèo (25,5% và 23,1% ở nhóm gia đình giàu có và khá giả, so với 9,5% và 20,8% nhóm gia đình trung bình và nghèo. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng có một phát hiện đáng lưu ý là đối với học sinh thuộc hộ "nghèo" lại có thành tích học tập khá cao so với hộ "trung bình". Điều này đã được lí giải qua các thông tin từ phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng (giáo viên, cha mẹ học sinh, cán bộ quản lí, học sinh), đó là tinh thần hiếu học, vượt khó của những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*Bảng 1: Tương quan giữa điều kiện kinh tế gia đình với kết quả học tập (%)*

	Điều kiện kinh tế của gia đình					Tổng
	Giàu có	Khá giả	Trung bình	Nghèo	KTL	
<b>Xuất sắc</b>	25.5	23.1	9.5	20.8	17.3	<b>100</b>
<b>Giỏi</b>	19.2	10.8	8.3	14.6	13.7	<b>100</b>
<b>Khá</b>	42.3	45.6	47.4	58.3	41.0	<b>100</b>
<b>Trung bình</b>	11.5	16.6	24.7	4.2	23.7	<b>100</b>
<b>Yếu</b>	3.8	1.5	3.8	8.3	4.3	<b>100</b>

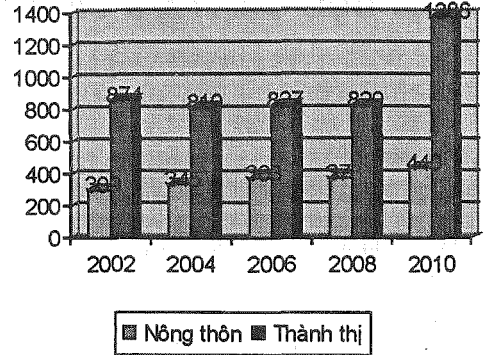
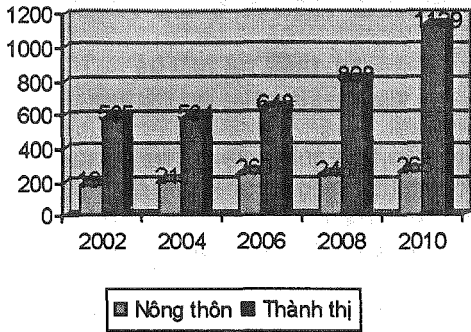
*(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu)*

Sự tham gia vào hoạt động kinh tế của gia đình ảnh hưởng đến kết quả học tập và quá trình giáo dục của học sinh. Ở khu vực nông thôn, trẻ em vốn vẫn được xem là một lực lượng lao động (và kiếm tiền) của gia đình. Tham khảo kết quả khảo sát của Dự án "Những cuộc đời trẻ thơ" (vòng 3) năm 2011 [9] cho thấy đối với nhóm trẻ nhỏ (8 tuổi, đang đi

<sup>(\*)</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu VI2.3-2011.12 thuộc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted)



Hình 1: Chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục (đơn vị: 1000vnd)  
Tiểu học Trung học cơ sở



Nguồn: Ước tính VLSS 2002-2010

học) ở khu vực nông thôn đã dành đến gần 3 giờ mỗi ngày cho việc giúp đỡ gia đình thông qua làm việc nhà và việc đồng áng, tỉ lệ trẻ tham gia làm việc này chiếm 5% số trẻ được hỏi, trong khi đó ở khu vực thành thị trẻ em không phải làm việc này. Vì tham gia vào các hoạt động kinh tế của gia đình nên thời gian dành cho việc học ở trường và ở nhà của học sinh nông thôn bị ít hơn.

Cũng theo kết quả khảo sát của Dự án “Những cuộc đời trẻ thơ”, đối với trẻ em từ 15 tuổi trở lên (đang đi học) ở khu vực nông thôn, tỉ lệ trẻ đi làm kiếm tiền chiếm gần 7%, cao hơn so với khu vực thành thị, thời gian dành cho việc kiếm tiền cũng lớn hơn 8,67 giờ/ngày đối với trẻ em ở nông thôn và 6 giờ/ngày đối với trẻ em ở khu vực thành thị. Thời gian trẻ em ở khu vực nông thôn dành gần 4 giờ/ngày cho việc nhà/đồng áng giúp đỡ gia đình, trong khi ở khu vực thành thị chưa đến 2,5 giờ/ngày.

Kết quả phỏng vấn và tọa đàm của nhóm nghiên cứu chúng tôi cũng nhận được thông tin tương tự. Ngoài việc học ở trường, thời gian ở nhà, học sinh thường phụ giúp gia đình bán hàng, đi làm thuê các việc chân tay hoặc trông em để bố mẹ đi làm. Đối với khu vực nông thôn có các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống phát triển như Thái Bình, hoặc các gia đình có miệt vườn, vườn trái cây lớn, thời gian dành cho việc học của học sinh càng bị ảnh hưởng. Thậm chí, ảnh hưởng đến cả quyết định học tiếp hay ở nhà làm nghề cùng gia đình của học sinh lớp 9 và lớp 11, 12. Sự tham gia của học sinh vào hoạt động kinh tế của gia đình là một điều rất tự nhiên, bình thường, giống như một sự tiếp nối văn hóa (khi ông bà hay bố mẹ đều tham gia vào phụ giúp gia đình từ khi còn bé) và như một sự hỗ trợ đặc lực để tăng thu nhập cho gia đình. Nghiên cứu cho thấy đây vừa là thiệt thòi của học sinh nông thôn so với

học sinh thành thị, tuy nhiên, lại vừa là một lợi thế, học sinh nông thôn không bị mất phương hướng khi tự nguyện hay buộc phải dừng quá trình giáo dục. Mặc dù vậy, điều này lại không hoàn toàn đúng đối với khu vực nông thôn khi mà sự chuyển đổi kinh tế chậm hơn, đa số hộ gia đình vẫn sống phụ thuộc vào nông nghiệp.

Tỉ lệ chi tiêu cho giáo dục trong tổng chi tiêu của gia đình thể hiện sự quan tâm của gia đình đối với việc học của con cái và ảnh hưởng đáng kể đến quá trình giáo dục của học sinh. Trong quá trình chuyển đổi, xu hướng chung của gia đình nông thôn là mức chi cho giáo dục tăng dần trong các năm gần đây. Các cuộc khảo sát về mức sống hộ gia đình (VLSS) trong đó có vấn đề chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình ở Việt Nam đều cho thấy xu hướng tăng mạnh từ 2002 đến 2010.

Kết quả khảo sát vừa qua của nhóm nghiên cứu cho thấy, chi phí trung bình cho một học sinh khoảng 1 triệu đồng/tháng, chiếm 1/3 thu nhập của gia đình làm nội trợ, 1/4 - 1/5 thu nhập của người làm công nhân, 1/5 thu nhập của thợ may, 1/5 - 1/6 thu nhập của người làm nghệ thuật (nhạc sĩ) (Kết quả phỏng vấn và tọa đàm với cha mẹ học sinh tại tỉnh Cần Thơ). Chi phí trung bình cho việc học cho con của các bậc phụ huynh trong các gia đình ở Vĩnh Phúc và Thái Bình nhiều hơn: Mức chi cho giáo dục của đa số các gia đình tham gia tọa đàm chiếm khoảng 1/4 đến 1/3 tổng thu nhập của gia đình.

Các bậc phụ huynh và cả giáo viên được phỏng vấn và trao đổi đều cho rằng những năm gần đây, việc đầu tư cho giáo dục của con cái của các hộ gia đình cũng đều tăng: Ngoài sách giáo khoa, các bậc phụ huynh còn mua thêm sách tham khảo, sách/truyện giáo dục cho con, ngoài tiền học ở trường, các con còn đi học thêm, thậm chí là học thêm ngoại

ngũ, trang bị cho góc học tập của con cũng đầy đủ hơn. Kinh tế gia đình tăng lên so với 10 năm trước đây nhưng nhu cầu và giá cả cũng tăng khiến cho chi phí học tập của con cũng tăng lên khá lớn, gây khó khăn cho nhiều gia đình. Tuy vậy, các đầu mục chi của các phụ huynh cho việc học cho con cái vẫn phong phú hơn đã chứng tỏ, sự quan tâm và cả quyết tâm cho việc học hành của con cái trong gia đình nông thôn hiện nay.

**2.2. Sự quan tâm của gia đình**

Thời gian của bố mẹ dành cho việc học hàng ngày của con ảnh hưởng lớn tới kết quả học tập, thể hiện ở việc những học sinh có bố mẹ dành thời gian học bài cùng con cái hàng ngày đều có kết quả học tập tốt hơn những học sinh khác. Cụ thể, có 16,4% học sinh có kết quả xuất sắc đều được gia đình kiểm tra bài hàng ngày, trong đó tỉ lệ này là 14,3% ở nhóm không được bố mẹ kiểm tra. Tương tự, có 14,5% học sinh có kết quả học tập ở mức giỏi được bố mẹ kiểm tra, trong khi, chỉ có 7,5% học sinh được xếp ở mức giỏi không được kiểm tra bài.

Kết quả thảo luận và tọa đàm với cả giáo viên và cha mẹ học sinh đều cho thấy sự quan tâm của gia đình đối với học sinh đều mang lại những kết quả tích cực trong thành tích học tập. Mặc dù vậy, tùy điều kiện và hoàn cảnh gia đình cũng có sự khác biệt nhất định giữa các bố mẹ trong việc quan tâm đến việc học của con. Chẳng hạn như, sự khác biệt về nghề nghiệp, loại hình hoạt động kinh tế cũng ảnh hưởng đến thời gian và khả năng kiểm soát/quản lí/gần gũi con cái nói chung và vấn đề học tập của các em nói riêng.

Nhận thức của bố mẹ và định hướng nghề nghiệp cho con cái của các gia đình ở khu vực nông thôn có ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề học tập và nghề nghiệp tương lai của học sinh. Kết quả khảo sát cho thấy, vấn đề được nhiều cha mẹ quan tâm nhất khi giúp con lựa chọn nghề nghiệp là việc làm và thu nhập của nghề sau khi ra trường (40,6%), tiếp đến là vấn đề liên quan đến sức khỏe, học lực của con (21,3%). Yếu tố sở thích và nguyện vọng của con cái chiếm 18,6%, nhu cầu nhân lực của xã hội đối với nghề chỉ chiếm 6,6%.

Để khẳng định các kết quả nói trên, có 11,3% cha mẹ mong muốn con mình giàu có, biết kinh doanh, buôn bán giỏi, 40,0% muốn con có nghề nghiệp ổn định và thu nhập cao, 16,6% muốn con cái có địa vị cao trong xã hội, được nhiều người biết đến, 28,6% muốn con cái có bằng cấp cao từ trình độ đại học trở lên, và chỉ có 3,3% cha mẹ mong muốn con cái mình chỉ là người lao động bình thường và thu nhập ổn định.

Như vậy, việc định hướng nghề nghiệp của cha mẹ đối với con cái họ trong bối cảnh chuyển đổi gắn với yếu tố thu nhập ổn định và việc làm mang lại thu

nhập cao. Song, vẫn có một bộ phận nhất định có khuynh hướng mong muốn con cái có học vấn, địa vị cao, được nhiều người biết đến.

Mặc dù vậy, vai trò của cha mẹ tác động đến con cái trong vấn đề định hướng nghề nghiệp như kết quả nghiên cứu đã chỉ ra là không nhiều (chủ yếu là ở yếu tố bản thân học sinh) bởi phần lớn đây mới chỉ là những mong muốn của cha mẹ đối với con cái, trong thực tế thì vấn đề thông tin về nghề nghiệp, việc làm đối với cha mẹ học sinh rất hạn chế, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Ngoài ra, rất nhiều bố mẹ, trong các cuộc tọa đàm đã chia sẻ: thường chỉ động viên con tìm hiểu thông tin và tự lựa chọn để không muốn gây áp lực cho con. Con học được càng cao, phụ huynh càng mừng nhưng thấy lực con không theo được thì cũng không muốn ép.

**2.3. Quan hệ giữa gia đình và nhà trường**

Nhóm nghiên cứu chúng tôi khi thực hiện khảo sát đã đưa ra 5 nội dung thể hiện sự quan tâm của người dân địa phương đối với việc học hành của con thông qua các quan hệ tương tác với nhà trường, kết quả trình bày trong bảng 2 cho thấy sự quan tâm của người dân với việc học của con tăng lên trong 5 năm qua, từ việc đi họp phụ huynh đầy đủ đến việc thường xuyên liên hệ với nhà trường, tham gia tích cực vào hoạt động của trường tới việc đóng góp kinh phí cho quỹ cha mẹ học sinh. Nhìn chung, qua khảo sát đối tượng là giáo viên cho thấy nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của việc học cũng tăng lên trong 5 năm vừa qua.

*Bảng 2: Sự quan tâm của cha mẹ đối với giáo dục (%)*

	Tăng lên	Giảm đi	Không thay đổi	Không ý kiến
Cha mẹ đi họp phụ huynh đầy đủ	63.92	19.07	15.46	1.55
Cha mẹ, gia đình thường xuyên liên hệ với nhà trường	57.37	17.89	21.05	3.68
Gia đình tham gia tích cực vào các hoạt động của nhà trường	47.83	19.02	26.63	6.52
Quỹ do cha mẹ học sinh đóng góp	53.59	13.26	27.07	6.08
Cha mẹ có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giáo dục	65.64	12.82	17.44	4.10

*(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu)*

Kiểm chứng về ảnh hưởng của mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường đối với kết quả giáo dục thông qua kết quả học tập của học sinh, kết quả khảo sát

cho thấy đối với những học sinh có gia đình thường xuyên hợp phụ huynh có kết quả học tập cao hơn so với những học sinh mà ít đi họp. Cụ thể, có 16,2% học sinh trả lời gia đình hợp phụ huynh thường xuyên đạt kết quả học tập ở mức xuất sắc, trong khi đó chỉ có 2,1% học sinh có gia đình đi họp thường xuyên có kết quả học tập ở mức yếu.

*Bảng 3: Tương quan giữa mức độ đi họp phụ huynh với kết quả học tập (%)*

	Mức độ thường xuyên họp phụ huynh				
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Tổng
<b>Xuất sắc</b>	16.2	4.9	4.3	6.2	<b>100</b>
<b>Giỏi</b>	15.0	4.9	8.7	25.0	<b>100</b>
<b>Khá</b>	47.3	44.1	43.5	18.8	<b>100</b>
<b>Trung bình</b>	19.4	37.1	26.1	37.5	<b>100</b>
<b>Yếu</b>	2.1	9.1	17.4	12.5	<b>100</b>
<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu)

**2.4. Vai trò của truyền thống hiếu học đối với giáo dục**

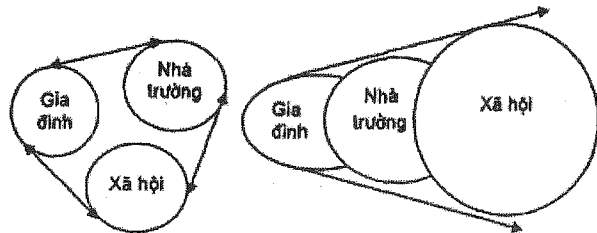
Ở khu vực nông thôn, truyền thống hiếu học của làng xã và của gia đình đóng vai trò quan trọng trong kết quả học tập và quá trình giáo dục của học sinh. Kết quả phỏng vấn và tọa đàm cho thấy: (i) Các gia đình có nhiều hơn 2 con đều trong độ tuổi đi học nhưng đều cố gắng cho các con đi học đầy đủ và học đến chừng nào con không học được nữa thì thôi; (ii) Hầu hết bố mẹ đều mong muốn con học đến đại học, gia đình có bố mẹ hoặc bà học có học vấn càng cao thì mong muốn con học đến đại học càng lớn, thể hiện ở việc định hướng chọn nghề cho con, đầu tư cho con học thêm, thậm chí là ở trọ ở thành phố để học thêm,...; (iii) Tại các làng xã có nhiều người đỗ đạt (như Thái Bình) mong muốn gia đình đối với thành tích học tập tốt của con càng lớn, thậm chí, ở khu vực này, sự biến đổi mạnh mẽ về kinh tế vẫn không làm giảm đi ý nghĩa của “trọng học” trong cộng đồng làng xã.

Tham khảo nghiên cứu của Đại học Michigan (Mĩ), trong đó nhóm nghiên cứu lí giải về việc duy trì truyền thống dân tộc của các gia đình Việt Nam trong mối quan hệ với những người thành đạt tại Mĩ cho thấy: Trong 1.400 gia đình được phỏng vấn cho thấy, những gia đình nào còn duy trì truyền thống tinh thần quá khứ tốt đẹp của dân tộc thì con em học hành giỏi hơn với điểm trung bình 3.14/4.0, so với con em những gia đình chấp nhận tập quán sinh hoạt ưa chuộng vật chất của xã hội, với điểm trung bình thấp kém, chỉ có 2.16/4.0<sup>1</sup>. Cũng ở một góc nhìn khách

quan, Giáo sư Thomas J.Vallely, Giám đốc Chương trình Việt Nam của Đại học Harvard, cho rằng một trong ba yếu tố đảm bảo giáo dục đại học Việt Nam chưa sụp đổ\* chính là nhờ truyền thống hiếu học. Ông cho rằng, xã hội Việt Nam là một xã hội hiếu học và đặt giá trị của giáo dục rất thiêng liêng. Các bậc phụ huynh sẵn sàng đầu tư cho việc học tập của con cái mình về vật chất lẫn tinh thần<sup>2</sup>.

Theo kết quả nhóm nghiên cứu chúng tôi, khi so sánh ba tỉnh/thành phố được khảo sát, Thái Bình và Vĩnh Phúc (là những tỉnh miền Bắc) và Cần Thơ (tỉnh miền Nam) cũng cho thấy rõ sự tương quan này của truyền thống hiếu học với giáo dục. Có thể thấy, truyền thống hiếu học trong mỗi gia đình đã được các địa phương duy trì, phát huy đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Cùng quan điểm cho rằng mối quan hệ giữa gia đình và các yếu tố liên quan đến học tập của trẻ em có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả giáo dục, trong nghiên cứu của tác giả Phạm Hồng Quang (2006) chỉ ra sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường, xã hội theo hai mô hình, trong đó mô hình (a) là thiếu tính bền vững, và khuyến nghị rằng, chỉ khi xác định vai trò gia đình làm gốc, làm nền tảng thì giáo dục nhà trường có nhiệm vụ phát triển tri thức văn hóa khoa học và môi trường xã hội là nơi thể nghiệm các giá trị theo mô hình (b). Sự đồng thuận của các tiểu hệ thống ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả giáo dục con người.



Mô hình a

Mô hình b

**3. Một số khuyến nghị chính sách**

Các kết quả nghiên cứu cho thấy sự quan tâm của gia đình và các yếu tố thuộc về truyền thống văn hóa như truyền thống hiếu học của các gia đình, địa phương có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của học sinh.

đại học Hoa Kì”.

<sup>2</sup> Trích theo PGS.TS. Võ Văn Thắng trong bài viết “Đại học Harvard nhận xét về giáo dục đại học ở Việt Nam” /Tạp chí Tia sáng của Bộ Khoa học và Công nghệ, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=1113&CategoryID=6&News=4386> (ngày 19/09/2011)

\* Từ này do GS. Đại học Harvard dùng (được chú thích trong bài viết của PGS.TS. Võ Văn Thắng)

Từ kết quả phân tích trên, bài viết đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Một là, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về giáo dục, vai trò giáo dục trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với mỗi cá nhân con người, gia đình nói riêng. Điều này sẽ giúp cho cộng đồng hiểu đúng, đủ hơn về định hướng đầu tư cho con cái ở nhiều khía cạnh (chi phí vật chất, phi vật chất). Đặc biệt quan tâm đến những vùng, khu vực còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nhận thức xã hội còn chưa cao, tồn tại nhiều phong tục tập quán có ảnh hưởng không tốt đến phát triển giáo dục (bất bình đẳng giới, lao động sớm, "ua" bằng cấp...). Việc giáo dục giúp cha mẹ nhận thức được lợi ích lâu dài từ việc học của con cái hơn là lợi ích kinh tế trước mắt mà người con mang lại nếu dành quá nhiều thời gian tham gia vào phụ giúp hoạt động kinh tế của gia đình hoặc nghỉ học để đi làm kiếm tiền giúp bố mẹ là vô cùng quan trọng. Nó quyết định không chỉ kết quả học tập của học sinh mà còn cả quá trình giáo dục của học sinh này và sự phát triển giáo dục chung của nông thôn;

Hai là, phát huy tinh thần hiếu học, các giá trị tốt đẹp liên quan đến truyền thống học tập của người dân ở khu vực nông thôn nước ta. Các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị cần quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Xây dựng, củng cố Hội Khuyến học các cấp, tăng cường các hoạt động thiết thực, cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; có những đóng góp tích cực vào việc phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh phong trào xây dựng "gia đình hiếu học", "dòng họ khuyến học",... ở các địa phương. Đây là một trong những giải pháp quan trọng khuyến khích tinh thần học tập của con em khu vực nông thôn trong điều kiện kinh tế khó khăn, khả năng đầu tư cho việc học tập của các gia đình và cộng đồng bị hạn chế. Các mô hình như dòng họ hiếu học, làng hiếu học... cần được nhân rộng vận dụng phù hợp với điều kiện văn hóa của từng địa phương khác nhau;

Ba là, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, cha mẹ học sinh trong các nhà trường/cơ sở giáo dục thông qua nhiều hình thức khác nhau như tham gia hội đồng trường (nếu thành lập), tham gia trao đổi, tọa đàm với nhà trường, xây dựng các diễn đàn dành cho cha mẹ học sinh, xây dựng cơ chế trao đổi giữa nhà trường với cá nhân và tổ chức cha mẹ học sinh làm đại diện, thông tin đánh giá hoạt động nhà trường từ phía cha mẹ học sinh (và xã hội)... góp phần cải thiện chất lượng dạy và học, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà trường và mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục được cung cấp trong các trường học. Bên cạnh đó, việc tham gia của cha mẹ

học sinh còn giúp nâng cao nhận thức của họ với việc quản lý và định hướng học tập cho con cái mình.

Giáo dục sẽ phát triển bền vững khi gia đình có vai trò làm gốc, làm nền tảng, nhà trường là nơi phát triển tri thức văn hóa, khoa học, và môi trường xã hội sẽ là nơi các giá trị được được thể nghiệm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương được khảo sát (Cần Thơ, Vĩnh Phúc, Thái Bình).
2. Barbara Bruns, Deon Filmer và Harr Anthony Patrinos (2011), *Để nhà trường hoạt động hiệu quả, Dẫn chứng mới về cải cách trách nhiệm*, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo khảo sát kết quả học tập các lớp 5, 6, 9, 11 các năm 2001, 2007, 2009*.
4. Chu Tiến Quang (2001), *Việc làm ở nông thôn-thực trạng và giải pháp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Chiến (2009), *Ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế - xã hội đến khả năng tiếp cận giáo dục của nhóm xã hội ở nông thôn*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Nguyễn Danh Bình (2002), *Coi trọng sự học - Một đặc điểm cơ bản của truyền thống hiếu học Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục số 47.
7. Phạm Hồng Quang (2006), *Môi trường giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội
8. Trần Thị Thái Hà và Nguyễn Văn Chiến (2012), *Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và những vấn đề đặt ra với chất lượng giáo dục khu vực nông thôn nước ta*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 85, tháng 10/2012
9. Lê Thúc Dục, Nguyễn Thắng, Nguyễn Văn Tiên, Mai Thúy Hằng, Vũ Thị Thu Thủy (2011), *Báo cáo điều tra vòng 3, Trẻ em lớn lên như thế nào trong thiên niên kỉ mới*, Kết quả điều tra Dự án "Những cuộc đời trẻ thơ", Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2002, 2010), *Khảo sát mức sống hộ gia đình*, Hà Nội.

### SUMMARY

This article was based on the hypothesis that family and culture features characterised by studious traditions- these factors play important roles and get effect on education in rural areas. From site survey in some provinces (Vinh Phuc, Thai Binh, Can Tho), findings indicated the relationship between these factors and the real situation of rural education. From the research analysis, assessment and previous findings, the author proposed solutions to improve and enhance positive effects of family and studious traditions in order to improve the education quality in rural areas, contributing to the education system with better adjustment in the rural socio-economic transition.